

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI 2

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Mã số: 60 14 01 14

HÀ NỘI, 2016

**CHƯƠNG TRÌNH KHUNG ĐÀO TẠO THẠC SĨ
ĐỊNH HƯỚNG NGHIÊN CỨU
CHUYÊN NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC
Mã số: 60 14 01 14**

(Ban hành theo Quyết định số 315/QĐ-ĐHSPHN2 ngày 20 tháng 3 năm 2016)

I. KHÁI LƯỢC CHƯƠNG TRÌNH

1. **Chuyên ngành đào tạo: Quản lý giáo dục**
2. **Mã số: 60 14 01 14**
3. **Đơn vị quản lý (ghi Bộ môn và Khoa):** Phòng Sau đại học
4. **Các ngành dự thi**
 - 4.1 Ngành đúng, phù hợp (*không học bổ sung kiến thức*):
CN Quản lý giáo dục
 - 4.2 Ngành gần (*học bổ sung kiến thức*):
CN các ngành khoa học giáo dục; CN quản lý, quản trị

5 Mục tiêu :

Đào tạo trình độ thạc sĩ theo định hướng nghiên cứu nhằm giúp cho học viên bổ sung, cập nhật và nâng cao kiến thức nền tảng về ngành khoa học giáo dục và chuyên ngành Quản lý giáo dục; tăng cường kiến thức liên ngành về triết học, xã hội học giáo dục, tâm lý học quản lý, tâm lý học giáo dục, kinh tế học giáo dục...; có kiến thức chuyên sâu trong một số lĩnh vực khoa học của chuyên ngành về quản lý chuyên môn, quản lý cơ sở vật chất, quản lý tài chính, quản lý nhân sự, quản lý dự án giáo dục... ; có kỹ năng vận dụng kiến thức đó vào hoạt động thực tiễn nghề nghiệp; có khả năng làm việc độc lập, tư duy sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề khoa học và thực tiễn thuộc chuyên ngành quản lý giáo dục.

6. Chuẩn đầu ra

6.1. Kiến thức

- Làm chủ những tri thức liên ngành về triết học, tâm lý học, giáo dục học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học... và kiến thức ngành khoa học giáo dục và chuyên ngành quản lý giáo dục làm cơ sở, nền tảng cho việc nghiên cứu, triển khai các hoạt động giáo dục và quản lý giáo dục
- Có kiến thức chuyên sâu, hiện đại về công tác quản lý giáo dục như quản lý nhà nước về giáo dục, quản lý nhà trường, quản lý chương trình đào tạo, quản lý nhân sự.. để có thể đảm nhận công việc của chuyên gia trong lĩnh vực quản lý giáo dục, có thể phát triển kiến thức mới và tiếp tục

nghiên cứu ở trình độ tiến sĩ

- Có kiến thức về các phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp với lĩnh vực quản lý giáo dục để có thể độc lập nghiên cứu
- Có tư duy phản biện
- Có kiến thức tổng hợp về pháp luật, tổ chức quản lý và bảo vệ môi trường liên quan đến lĩnh vực quản lý giáo dục

6.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng hoàn thành các công việc phức tạp, không thường xuyên xảy ra, không có tính quy luật, khó dự báo trong lĩnh vực quản lý giáo dục
- Có kỹ năng nghiên cứu độc lập để phát triển và thử nghiệm những giải pháp mới trong lĩnh vực Quản lý giáo dục

6.3. Năng lực tự chủ, trách nhiệm

- Có năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề và đề xuất những sáng kiến có giá trị trong lĩnh vực quản lý giáo dục
- Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn
- Có năng lực đưa ra những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ trong quản lý giáo dục
- Năng lực bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn
- Khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch
- Năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn
- Khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao
- Có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn
- Có khả năng thực hiện công việc ở các vị trí nghiên cứu, giảng dạy, tư vấn và hoạch định chính sách hoặc các vị trí khác nhau thuộc lĩnh vực quản lý giáo dục

6.4. Năng lực ngoại ngữ

Chúng nhận B1 (bậc 3/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương (Phụ lục II, Thông tư 15 ngày 15/5/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

7. Cấu trúc chương trình đào tạo

- Kiến thức chung: 11 tín chỉ
- Kiến thức cơ sở: 18 tín chỉ
- Kiến thức chuyên ngành: 21 tín chỉ

- Luận văn tốt nghiệp: 10 tín chỉ

8. Học phần bổ sung kiến thức cho các ngành gần

- Số học phần: 8; tổng tín chỉ: 17

- Tên các học phần (tên, mã số HP, số tín chỉ): Tâm lý học (3), Giáo dục học (4), Đại cương về QLHCNN (3), Đại cương về KH quản lý (4), Đại cương về QLGD (3)

II. CHƯƠNG TRÌNH KHUNG

STT	Mã số học phần		Tên môn học	Tổng số TC	Số tín chỉ		Giờ tự học
	Phần chữ	Phần số			Lý thuyết	Thực hành	
CÁC MÔN CHUNG				12			
1.	PHIL	502	Triết học	4	70%	30%	120
2.	ENGL	503	Tiếng Anh	5	2	3	150
3.	CMMS	504	Chương trình, Phương pháp và kỹ năng dạy học hiện đại	3	2	1	90
CÁC MÔN CƠ SỞ				17			
1. Các học phần cơ sở bắt buộc				8			
4.	EDSC	511	Phương pháp NC khoa học GD	3	2	1	90
5.	EDSC	512	Tâm lý học giáo dục	3	2	1	90
6.	EDSC	513	Tiếp cận năng lực trong phát triển nghề nghiệp giáo viên	2	1	1	60
2. Các học phần cơ sở tự chọn (chọn 3 trong 6 học phần)				9			
7.	EDSC	521	Chuẩn giáo dục và Lí thuyết chương trình giáo dục	3	2	1	90
8.	EDSC	522	Văn hóa nhà trường hiện đại	3	2	1	90
9.	EDSC	523	Giáo dục so sánh	3	2	1	90
10.	EDMA	524	Tâm lý học quản lý, lãnh đạo	3	2	1	90
11.	EDMA	525	Kinh tế học giáo dục	3	2	1	90
12.	EDMA	526	Xã hội học giáo dục	3	2	1	90
13.	EDMA	527	Khoa học tổ chức trong phát triển giáo dục	3	2	1	90
CÁC HỌC PHẦN CHUYÊN NGÀNH				17			
1. Các học phần chuyên ngành bắt buộc				12			
14.	EDMA	541	Những vấn đề cơ bản của quản lí giáo dục	3	2	1	90

15.	EDMA	542	Tiếp cận quản lý giáo dục hiện đại	3	2	1	90
16.	EDMA	543	Thế chế nhà nước trong giáo dục	3	2	1	90
17.	EDMA	544	Phương pháp và kỹ năng quản lý nhà trường	3	2	1	90
2. Các học phần chuyên ngành tự chọn				9			
(Chọn 3 trong 9 học phần dưới đây)							
18.	EDMA	551	Phát triển chính sách và chiến lược trong giáo dục	3	2	1	90
19.	EDMA	552	Quản lý chương trình giáo dục	3	2	1	90
20.	EDMA	543	Quản lý nhân sự và nguồn nhân lực trong giáo dục	3	2	1	90
21.	EDMA	554	Quản lý tài chính và hạ tầng vật chất-kỹ thuật trong giáo dục	3	2	1	90
22.	EDMA	555	Quản lý chuyên môn trong giáo dục	3	2	1	90
23.	EDMA	556	Dự báo, thống kê và thông tin giáo dục	3	2	1	90
24.	EDMA	557	Quản lý chất lượng trong giáo dục	3	2	1	90
LUẬN VĂN				10			
TỔNG CỘNG				60			